

HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN QUYỀN AN SINH XÃ HỘI VỀ HỖ TRỢ HỌC NGHỀ CHO NGƯỜI DÂN

TS. Mai Linh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội
mailinh232000@yahoo.com.uk

TS. Nguyễn Thị Tuyết Nga

Học viện Phụ nữ Việt Nam
nnga9212@gmail.com

PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Hoa

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội
kimhoaxhh@yahoo.com

Tóm tắt: Quyền an sinh xã hội (ASXH) về hỗ trợ học nghề là một trong những hoạt động quan trọng trong hệ thống ASXH ở Việt Nam, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và đảm bảo nguồn nhân lực lao động trong xã hội. Thêm vào đó, việc thực hiện quyền hỗ trợ học nghề cũng giúp cho rất nhiều người, đặc biệt là nhóm yếu thế, tham gia vào thị trường lao động, làm việc và có thu nhập, đáp ứng nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Công tác hỗ trợ học nghề bao gồm: miễn/giảm học phí, vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ tham gia tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất. Để thực hiện quyền này, các hoạt động công tác xã hội (CTXH) giúp đỡ người dân bao gồm: tuyên truyền chính sách, tư vấn chính sách, biện hộ chính sách, hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách, kết nối nguồn lực hỗ trợ. Bài viết đánh giá thực trạng của hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ người dân học nghề, đưa ra một số kết quả chính trong hoạt động đó.

Từ khóa: công tác xã hội, quyền an sinh xã hội, hỗ trợ học nghề.

Abstract: The social protection right of vocational training support is one of very important activities in the social protection system in Vietnam, in order to promote economic development and ensure human resources in society. In addition, the exercise of the right to support vocational training also helps many people, especially disadvantaged groups, to participate in the labor market, work and earn money meeting basic needs of life. Vocational training support includes: tuition fee exemption/reduction, vocational training loans with preferential interest rates, support for participation in training and product technology transfer. To exercise this right, social work activities helping people include: policy propaganda, policy advice, policy advocacy, assistance in preparing policy documents, connection of support resources. This paper assesses the current status of social work activities in supporting people in vocational training, and gives some key results in those.

Keywords: social work, social protection right, vocational training support

Mã bài báo: JHS-9

Ngày nhận bài sửa: 14/12/2021

Ngày nhận bài: 18/11/2021

Ngày duyệt đăng: 30/12/2021

Ngày nhận phản biện: 29/11/2021

1. Đặt vấn đề

Với chủ trương được ghi nhận trong Nghị quyết Trung ương số 15-NQ/TW năm 2012 là “*đặt chính sách xã hội lên ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ*”, Nhà nước quyết liệt chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền ASXH về hỗ trợ học nghề và việc làm cho người dân. Sự chỉ đạo này được thể hiện qua việc thúc đẩy phát triển nhiều chương trình mang tầm vóc quốc gia về tạo việc làm cho người lao động, như Biên bản ghi nhớ về “*Chương trình Hợp tác quốc gia Việc làm bền vững tại Việt Nam giai đoạn 2017-2021*”, hay Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH hướng dẫn hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các chương trình này đều hướng tới đảm bảo thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề cho người dân thông qua sự tham gia phối hợp của nhiều bên liên quan, bao gồm sự tham gia của nhân viên công tác xã hội (NVCTXH).

Theo Bản ghi nhớ về “*Chương trình Hợp tác quốc gia Việc làm bền vững tại Việt Nam*” được ký kết dưới sự bảo trợ của Chính phủ, của các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động, cũng như của Tổ chức Lao động quốc tế, trong vòng 5 năm, từ 2012 đến 2017, nền kinh tế đã tạo thêm 7,8 triệu việc làm cho người lao động. Như vậy, trung bình mỗi năm có thêm 1,56 triệu việc làm mới, cao hơn so với mức trung bình 1,2 triệu của giai đoạn trước. Theo xu hướng này, số việc làm mới được tạo ra trong giai đoạn tiếp theo sẽ đạt mức tương đương hoặc cao hơn so với con số 1,56 triệu nêu trên. Những con số thành công ấn tượng đạt được này là nhờ có sự tham gia đóng góp công sức của nhiều bên liên quan. Hoạt động can thiệp CTXH nhằm hỗ trợ người dân thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề và việc làm cũng là một trong những kênh hữu ích góp sức cho sự thành công đó.

Để tăng cường công tác hỗ trợ người dân, hạn chế tình trạng lọt lưới chính sách, Thủ tướng Chính phủ ban hành “*Đề án 32 về phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010 - 2020*”. Nhờ đó, ngành CTXH đã được triển khai rộng rãi, thể hiện vai trò quan trọng của NVCTXH trong cộng đồng. Bài viết đánh giá thực trạng và hiệu quả của hoạt động CTXH với thực hiện quyền an sinh xã hội trong hỗ trợ học nghề cho người dân. Hỗ trợ học nghề là một trong những nội dung quan trọng, thuộc nhiệm vụ của ngành CTXH, bao gồm: công tác hỗ trợ học nghề cho người dân, bao gồm như miễn/giảm học phí, vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ tham gia tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất. Các nhiệm vụ chính của NVCTXH cần thực hiện là tuyên truyền

chính sách, tư vấn chính sách, biện hộ chính sách, chuẩn bị hồ sơ chính sách, kết nối nguồn lực hỗ trợ.

Mục tiêu nghiên cứu: quyền ASXH về hỗ trợ học nghề là rất cần thiết với rất nhiều người, đặc biệt là một số nhóm yếu thế như người khuyết tật, người nghèo/cận nghèo, người có công với cách mạng, người có bệnh hiểm nghèo. Trên cơ sở của việc thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ học nghề và các cách thức đã được triển khai để hỗ trợ người dân, tác giả trình bày một số kết quả đáng được ghi nhận trong tiến trình trợ giúp.

Phạm vi nghiên cứu: về nội dung, quyền ASXH khá rộng, trên nhiều lĩnh vực như quyền được tiếp cận giáo dục, y tế, trợ giúp xã hội, hỗ trợ can thiệp trong các tình huống khẩn cấp. Riêng quyền ASXH về hỗ trợ học nghề và tạo việc làm cũng có một số lĩnh vực can thiệp hỗ trợ khác nhau. Trong phạm vi bài viết, tác giả chỉ trình bày việc thực hiện quyền ASXH trong hỗ trợ học nghề, gồm 03 chiều cạnh: (1) hỗ trợ miễn/giảm học phí, (2) vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi, (3) hỗ trợ tham gia tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất.

2. Thao tác hóa khái niệm

Quyền An sinh xã hội

Có khá nhiều khái niệm liên quan tới quyền ASXH. Trong bài viết này, quyền ASXH được hiểu là một quyền con người cơ bản và được quy định cụ thể trong hệ thống chính sách ASXH nhằm bảo vệ cuộc sống cho người dân ở ngưỡng an toàn, hòa nhập và phát triển, thực hiện quyền ASXH nghĩa là hiện thực hóa các quyền của người dân được ghi nhận trong hệ thống chính sách ASXH hiện hành.

Công tác xã hội

Theo Hiệp hội NVCTXH quốc tế (IFSW), “*CTXH là một ngành khoa học và là nghề thực hành thúc đẩy nâng cao năng lực, sự tự do, liên kết xã hội, thay đổi xã hội và phát triển. Nguyên tắc chủ đạo của CTXH là tôn trọng sự đa dạng, trách nhiệm tập thể, quyền con người và công bằng xã hội. Trên nền tảng lý thuyết CTXH, khoa học xã hội, kiến thức bản địa và nhân văn, CTXH kết nối nhân dân và tổ chức để bày tỏ những thách thức trong cuộc sống và nâng cao chất lượng cuộc sống*” (IFSW, 2014).

Với đặc thù là nghề trợ giúp xã hội, CTXH hướng đến trọng tâm là giúp đỡ cá nhân, nhóm, cộng đồng phục hồi, phát triển các chức năng để đạt được các giá trị phù hợp trong xã hội. Vai trò cụ thể của NVCTXH là:

- Người tạo khả năng: nhằm trợ giúp thân chủ nhận thức và phát huy khả năng của bản thân để giải quyết vấn đề gặp phải.

- Người điều phối - kết nối dịch vụ: thông qua đánh giá, chuẩn đoán các vấn đề và nguồn lực của thân chủ, NVCTXH tiến hành điều phối, cung cấp các dịch vụ phù hợp.

- Người giáo dục: nghĩa là người trợ giúp thân chủ thích ứng với khó khăn thông qua các biện pháp tập huấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc, bảo vệ bản thân.

- Người biện hộ: nhằm bảo vệ nhu cầu chính đáng của thân chủ.

- Người tạo môi trường thuận lợi: thông qua việc cải thiện và nâng cao chất lượng trong mối quan hệ giữa con người và hệ thống xung quanh.

- Người đánh giá và giám sát những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày của thân chủ, từ đó xây dựng các kế hoạch can thiệp phù hợp.

Trong giới hạn của nghiên cứu này, chúng tôi phân biệt NVCTXH chuyên nghiệp/bán chuyên nghiệp/ không chuyên theo khoảng thời gian được đào tạo về CTXH, theo đó:

- NVCTXH chuyên nghiệp: là những người

được đào tạo bài bản về CTXH từ 2 năm trở lên.

- NVCTXH bán chuyên nghiệp: là những người được đào tạo ở trình độ sơ cấp hoặc tập huấn ngắn hạn (dưới 2 năm).

- NVCTXH không chuyên: là những người chưa từng được đào tạo/tập huấn về CTXH, nhưng làm việc ở vị trí CTXH.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết dựa vào dữ liệu khảo sát của Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước¹, được thực hiện tại 7 tỉnh/thành phố, đó là Hà Nội, Quảng Ninh, Hòa Bình, Đà Nẵng, Bến Tre, Đắk Lắk và TP. Hồ Chí Minh. Tại mỗi tỉnh/thành, đề tài lựa chọn 02 quận/huyện và mỗi quận/huyện lựa chọn 01 xã/phường để tiến hành khảo sát với số lượng mẫu là 300 người dân/tỉnh và 40 - 45 NVCTXH/tỉnh. Cỡ mẫu khảo sát của đề tài là 2.100 người dân và 300 NVCTXH.

Bảng 1. Cơ cấu mẫu khảo sát tại 7 tỉnh/thành phố

STT	Tỉnh	Huyện, xã	Số lượng người dân	Số lượng NVCTXH
1	Đắk Lắk	Xã Yang Tao, huyện Lắk	150	40
		Phường Tân Lập, TP. Buôn Ma Thuột	150	
2	Quảng Ninh	Phường Cẩm Bình, TP. Cẩm Phả	150	45
		Phường Hồng Gai, TP. Hạ Long	150	
3	Hòa Bình	Xã Đú Sáng, huyện Kim Bôi	150	40
		Xã Yên Lập, huyện Cao Phong	150	
4	Hà Nội	Thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa	150	45
		Phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm	150	
5	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Trung, quận Tân Phú	150	45
		Phường 6, quận 5	150	
6	Đà Nẵng	Phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê	150	45
		Phường Nam Dương, quận Hải Châu	150	
7	Bến tre	Phường Phú Khương, TP. Bến tre	150	40
		Phường 6, TP. Bến Tre	150	
Tổng chung			2100	300

Theo tính chất đặc thù của CTXH là thực hiện can thiệp trợ giúp dành cho các nhóm xã hội yếu thế, do vậy, đề tài chú trọng hướng tới khảo sát các hộ gia đình thuộc diện khó khăn, có mức sống thấp. Trong số 300 NVCTXH được khảo sát, có 92 NVCTXH được đào tạo bài bản, dài hạn về CTXH, nên còn gọi là nhóm chuyên nghiệp, 90 NVCTXH bán chuyên nghiệp, là những người trải qua các khóa đào tạo/tập huấn ngắn

hạn về CTXH; và 118 nhân viên không chuyên, nghĩa là những người chưa từng được đào tạo, tập huấn, nhưng đảm nhận vị trí của NVCTXH.

4. Nhóm đối tượng được ưu tiên và cách thức hỗ trợ thực hiện quyền ASXH về học nghề thông qua hoạt động CTXH

Hỗ trợ người dân thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề là một trong những can thiệp hỗ trợ trực tiếp,

¹ Tên đề tài cấp Nhà nước: “Thực hiện quyền an sinh xã hội của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam hiện nay” – mã số KX.01.36/16-20, Chủ nhiệm đề tài: PGS. TS. Nguyễn Hồi Loan

thiết thực, nhanh chóng và hiệu quả nhất đối với người dân trong những lúc họ phải đối mặt giải quyết những khó khăn trong học nghề và tạo dựng việc làm phù hợp. Nhận thức được điều này, NVCTXH chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và không chuyên đều khẳng định vai trò của mình trong hỗ trợ người dân khi họ có nhu cầu liên

quan đến việc thực hiện quyền tiếp cận các cơ sở dạy nghề và giáo dục nghề nghiệp, như miễn/giảm học phí, vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ tham gia tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất. Trong đó, nhóm đối tượng được ưu tiên hỗ trợ nhiều thường là người khuyết tật, người nghèo/cận nghèo và người mắc bệnh hiểm nghèo.

Bảng 2. Nhóm đối tượng được can thiệp thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp

Đơn vị: lượt ý kiến

Nhóm đối tượng	NVCTXH chuyên nghiệp	NVCTXH bán chuyên nghiệp	Nhân viên không chuyên	Tổng
Người dân được hỗ trợ miễn/giảm học phí học nghề				
Người mắc bệnh hiểm nghèo	28,4	28,1	40,3	32,7
Người khuyết tật	37,3	18,8	18,2	24,5
Người có công với cách mạng	9,0	6,3	5,2	6,7
Người nghèo/cận nghèo	20,9	37,5	27,3	28,4
Khác	4,5	9,4	9,1	7,7
Tổng	67	64	77	208
Người dân được hỗ trợ vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi				
Người mắc bệnh hiểm nghèo	21,7	15,9	31,7	24,0
Người khuyết tật	23,9	20,5	13,3	18,7
Người có công với cách mạng	8,7	2,3	5,0	5,3
Người nghèo/cận nghèo	32,6	50,0	38,3	40,0
Khác	13,0	11,4	11,7	12,0
Tổng	46	44	60	150
Người dân được hỗ trợ tham gia tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất				
Người mắc bệnh hiểm nghèo	12,3	8,2	16,1	12,5
Người khuyết tật	15,8	10,2	8,1	11,3
Người có công với cách mạng	7,0	6,1	9,7	7,7
Người nghèo/cận nghèo	19,3	20,4	22,6	20,8
Khác	45,6	55,1	43,5	47,6
Tổng	57	49	62	168

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 NVCTXH của đề tài, 2019

Đối với NVCTXH, trong số các biện pháp can thiệp trợ giúp người dân thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề nêu trên thì tuyên truyền chính sách và tư vấn chính sách là hai biện pháp được vận dụng phổ biến (Bảng 3). Đây được coi là những hình thức cơ bản trong CTXH và cũng là hai hình thức có đòi hỏi thấp về năng lực chuyên môn, nhưng chúng có tác dụng tích cực trong việc nâng cao nhận thức người dân về việc thực hiện quyền ASXH. Điều này được minh chứng

thêm qua trích đoạn phỏng vấn sâu sau đây: “Ban đầu chúng tôi thường cung cấp thông tin, tư vấn để nâng cao nhận thức cho mọi người về quyền lợi của họ. Làm như vậy nhiều người cùng được lợi. Sau đó, nếu ai cần thì chúng tôi mới hỗ trợ thêm theo cách khác (NVCTXH, Hà Nội)”.

So sánh theo yếu tố chuyên môn trong các biện pháp can thiệp trợ giúp người dân thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề cho thấy tỷ lệ vận dụng các biện pháp tuyên truyền chính sách, tư vấn chính sách của

NVCTXH chuyên nghiệp khi hỗ trợ người dân thực hiện quyền miễn/giảm học phí học nghề, quyền vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi và quyền tham gia tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất là khá tương đồng với NVCTXH bán chuyên nghiệp và không chuyên (Bảng 2). Điều này dường như phản ánh năng lực của NVCTXH chuyên nghiệp còn nhiều hạn chế, do vậy nhiều người trong số họ chưa vận dụng các biện pháp như biện hộ chính sách, hỗ

trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách hay kết nối nguồn lực hỗ trợ vào trợ giúp người dân thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề. Thực tế này phù hợp với trích đoạn phỏng vấn sâu NVCTXH tại Quảng Ninh, theo đó “nhiều người chưa từng được đào tạo bài bản, dài hạn về CTXH, nhưng họ lại cấp trên, họ chỉ đạo sao thì cấp dưới làm theo vậy, không thể khác được. Nếu làm khác thì sẽ bị phê bình, kể cả là có làm tốt hơn thì cũng không được ủng hộ”.

Bảng 3. Cách thức can thiệp thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề cho người dân thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp

Đơn vị: lượt ý kiến

Cách thức hỗ trợ	NVCTXH chuyên nghiệp		NVCTXH bán chuyên nghiệp		Nhân viên không chuyên		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cách thức hỗ trợ người dân về miễn/giảm học phí học nghề								
Tuyên truyền chính sách	47	31,5	41	31,8	55	39,9	143	34,4
Tư vấn chính sách	43	28,9	31	24,0	31	22,5	105	25,2
Biện hộ chính sách	8	5,4	12	9,3	12	8,7	32	7,7
Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách	24	16,1	18	14,0	18	13,0	60	14,4
Kết nối nguồn lực hỗ trợ	25	16,8	24	18,6	19	13,8	68	16,3
Khác	2	1,3	3	2,3	3	2,2	8	1,9
Tổng	149	100,0	129	100,0	138	100,0	416	100,0
Cách thức hỗ trợ người dân về vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi								
Tuyên truyền chính sách	28	34,1	24	29,3	28	28,0	80	30,3
Tư vấn chính sách	23	28,0	24	29,3	29	29,0	76	28,8
Biện hộ chính sách	3	3,7	6	7,3	9	9,0	18	6,8
Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách	15	18,3	14	17,1	13	13,0	42	15,9
Kết nối nguồn lực hỗ trợ	12	14,6	13	15,9	20	20,0	45	17,0
Khác	1	1,2	1	1,2	1	1,0	3	1,1
Tổng	82	100,0	82	100,0	100	100,0	264	100,0
Cách thức hỗ trợ người dân về tham gia tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất								
Tuyên truyền chính sách	22	33,3	14	27,5	23	28,8	59	29,9
Tư vấn chính sách	17	25,8	15	29,4	13	16,3	45	22,8
Biện hộ chính sách	3	4,5	5	9,8	8	10,0	16	8,1
Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách	8	12,1	7	13,7	11	13,8	26	13,2
Kết nối nguồn lực hỗ trợ	14	21,2	10	19,6	24	30,0	48	24,4
Khác	2	3,0	0	0,0	1	1,3	3	1,5
Tổng	66	100,0	51	100,0	80	100,0	197	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 NVCTXH của đề tài, 2019

Kết quả này cũng phản ánh tình trạng nhập nhằng, đan xen giữa hoạt động của NVCTXH chuyên nghiệp với những hoạt động của NVCTXH bán chuyên nghiệp và không chuyên, bởi chúng chưa cho thấy

tính chất nổi bật của NVCTXH chuyên nghiệp. Tuy nhiên, thực tiễn này phù hợp với bối cảnh của xã hội Việt Nam khi CTXH còn đang trong giai đoạn đầu của quá trình chuyên nghiệp hóa, khi nhiều vị trí công

việc của NVCTXH còn do những người chưa từng sách luân chuyển cán bộ hoặc tại vị theo thâm niên được đào tạo bài bản “chiếm giữ” thông qua chính công tác.

Bảng 4. Cách thức người dân được can thiệp thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp theo tỉnh/thành phố

Đơn vị: lượt ý kiến

	Hà Nội	Quảng Ninh	Hòa Bình	Đà Nẵng	TP. HCM	Bến Tre	Đắk Lắk	Tổng
Về quyền miễn giảm học phí học nghề								
Tuyên truyền chính sách	14,7	29,7	50,7	13,0	17,0	20,7	19,7	23,6
Tư vấn chính sách	9,7	21,7	24,3	10,0	4,3	4,3	11,7	12,3
Biện hộ chính sách	8,7	6,7	5,3	2,0	2,3	0,7	2,7	4,0
Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách	6,3	5,0	11,7	3,0	1,0	1,7	4,7	4,8
Kết nối nguồn lực hỗ trợ	8,7	2,3	4,3	3,0	0,7	3,0	6,7	4,1
Khác	3,3	3,7	1,0	1,0	0,3	0,3	2,0	1,7
Về quyền vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi								
Tuyên truyền chính sách	3,7	14,7	31,3	12,0	9,3	23,3	14,0	15,5
Tư vấn chính sách	12,3	18,7	22,3	8,0	3,7	4,7	9,7	11,3
Biện hộ chính sách	9,3	6,3	2,7	1,0	2,0	0,7	4,7	3,8
Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách	10,7	1,3	6,7	3,7	1,0	0,7	2,7	3,8
Kết nối nguồn lực hỗ trợ	5,3	2,0	6,0	3,3	0,3	0,7	8,3	3,7
Khác	2,0	0,7	0,7	0,3	0,7	0,3	1,3	0,9
Về quyền được tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất								
Tuyên truyền chính sách	2,3	10,0	40,3	5,00	3,0	18,3	20,0	14,1
Tư vấn chính sách	9,0	14,7	25,0	1,7	2,3	4,7	13,0	10,0
Biện hộ chính sách	6,3	7,3	3,3	0,0	0,7	0,7	5,3	3,4
Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách	6,3	1,3	8,0	0,3	0,3	0,3	4,0	3,0
Kết nối nguồn lực hỗ trợ	1,3	1,7	9,3	0,7	0,0	0,3	6,7	2,9
Khác	0,7	0,7	1,0	0,3	0,7	0,0	1,7	0,7

Nguồn: Kết quả khảo sát của 2100 người dân của đề tài, 2019

Kết quả khảo sát từ phía người dân cũng phản ánh tình trạng tương tự, đó là họ chủ yếu được can thiệp thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề thông qua hoạt động tuyên truyền chính sách và tư vấn chính sách. “Chủ yếu là chúng tôi được họ nói cho biết [tuyên truyền]. Nếu có hỏi thì họ giải thích thêm [tư vấn] chứ cũng chưa thật sự sát sao lắm. Chúng tôi cần được hỗ trợ nhiều hơn nữa. (Nam, 53 tuổi, Bến Tre)”. Tuy nhiên, các biện pháp này được vận dụng thường xuyên hơn với người dân Hòa Bình và

Quảng Ninh. Trong khi đó, các biện pháp thể hiện tính chất chuyên nghiệp cao của CTXH như biện hộ chính sách, hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ chính sách hay kết nối nguồn lực hỗ trợ thường được áp dụng nhiều hơn với người dân Hà Nội (Bảng 3). Điều này cho thấy, tùy từng địa bàn khác nhau mà tính chất của các hoạt động CTXH được thể hiện một cách khác nhau.

Nhưng các biện pháp can thiệp thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề dù được thực hiện dưới hình

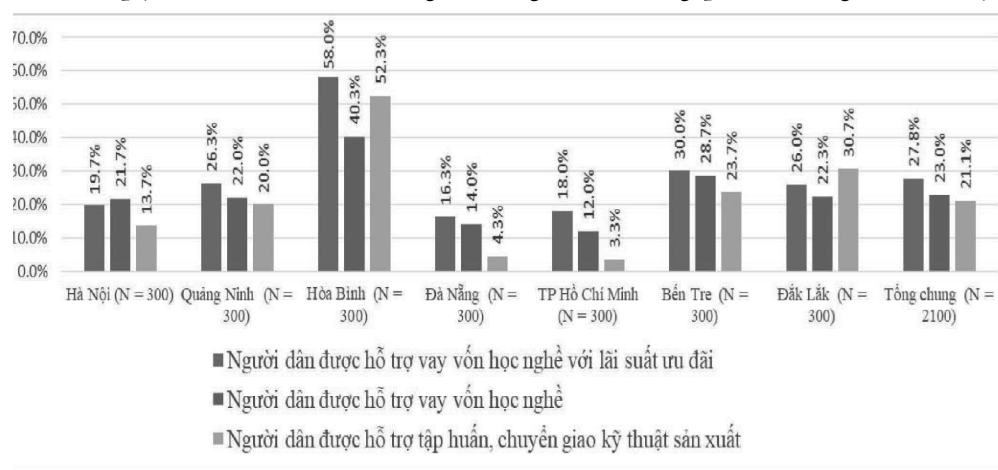
thức nào, giản đơn hay phức tạp, cũng đều đem lại giá trị hữu ích đối với người dân.

5. Kết quả thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề thông qua hoạt động CTXH và sự hài lòng của người dân

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao gắn liền với lĩnh vực đảm bảo quyền ASXH về hỗ trợ học nghề cho người dân, nhiều NVCTXH tích cực tham gia trợ giúp người dân thực hiện quyền miễn/giảm

học phí học nghề (69,3%), quyền vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi (50,0%) và quyền tham gia tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất (35,3%). Theo NVCTXH (phòng vấn sâu tại Hà Nội) thì quyền miễn/giảm học phí học nghề là nội dung mà người dân quan tâm nhất “*hầu như ai đến đây cũng đều hỏi xem mình có được miễn/giảm học phí hay không*”, do vậy, đây là nội dung công việc mà NVCTXH tập trung nhiều hơn so với những nội dung công việc khác.

Hình 1. Thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề cho người dân thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp²



Nguồn: Kết quả khảo sát 300 NVCTXH của đề tài, 2019

So sánh giữa ba nhóm cùng tham gia hỗ trợ người dân thực hiện các quyền ASXH nêu trên thì vai trò của NVCTXH chuyên nghiệp³ dường như có sự ưu trội hơn so với NVCTXH bán chuyên nghiệp⁴ và nhân viên không chuyên⁵, dù rằng khoảng cách chênh lệch này còn thấp (Hình 1). Thực tế này được NVCTXH

chuyên nghiệp (Phòng vấn sâu, Đắk Lắk) giải thích “*thuận lợi là tôi được đào tạo đúng chuyên ngành CTXH nên biết cách hỗ trợ họ [người dân], nhưng hạn chế là tôi không được phát huy hết kiến thức đã học*”, do vậy, trong nhiều trường hợp vai trò của NVCTXH chuyên nghiệp chưa thực sự nổi bật so với các nhóm NVCTXH khác.

Bảng 5. Người dân được can thiệp thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp theo tỉnh/thành phố

Đơn vị: lượt ý kiến

	Hà Nội	Quảng Ninh	Hòa Bình	Đà Nẵng	TP. HCM	Bến Tre	Đắk Lắk	Tổng
Người dân được hỗ trợ miễn/giảm học phí học nghề	19,7	26,3	58,0	16,3	18,0	30,0	26,0	27,8
Người dân được hỗ trợ vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi	21,7	22,0	40,3	14,0	12,0	28,7	22,3	23,0
Người dân được hỗ trợ tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất	13,7	20,0	52,3	4,3	3,3	23,7	30,7	21,1
Tổng	300	300	300	300	300	300	300	2.100

Nguồn: Kết quả khảo sát của 2100 người dân của đề tài, 2019

² Hoạt động CTXH chuyên nghiệp được hiểu là hoạt động do NVCTXH thực hiện, dù đó là những người được đào tạo dài hạn, ngắn hạn hay chưa được đào tạo nhưng làm việc ở vị trí NVCTXH.

³ NVCTXH chuyên nghiệp là những người được đào tạo dài hạn từ 2 năm trở lên về CTXH.

⁴ NVCTXH bán chuyên nghiệp là những người được đào tạo ngắn hạn, dưới 2 năm về CTXH.

⁵ Nhân viên không chuyên là những người chưa được đào tạo về CTXH, nhưng làm công việc của NVCTXH.

Kết quả khảo sát từ phía người dân cũng cho thấy nhiều người được NVCTXH can thiệp thực hiện quyền miễn/giảm học phí học nghề (27,8%), quyền vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi (23,0%) và quyền tham gia tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất (21,1%) (bảng 4). Theo giải thích từ phía người dân thì “tôi muốn được hỗ trợ học phí hơn, nên tôi thường hỏi việc này. Khi tôi nói ra thì cũng được [NVCTXH] giúp đỡ (trích đoạn Phỏng vấn sâu, Nữ, 27 tuổi, Quảng Ninh)”. Thực tế này cho thấy, nhu cầu cần trợ giúp của người dân là cơ sở để NVCTXH can thiệp trợ giúp và đây là một trong những nhân tố quan trọng giúp người dân thực hiện quyền thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp. Tuy nhiên, sự can thiệp của NVCTXH là không đồng nhất giữa các địa phương. Tỷ lệ người dân Hòa Bình được hỗ trợ thực hiện các quyền nêu trên luôn cao hơn so với các địa bàn khác. Ngược lại, có những địa bàn mà tỷ lệ người dân nhận được sự hỗ trợ này gần như không đáng kể, chẳng hạn, tỷ lệ được can thiệp thực hiện quyền tham gia tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp của người dân Đà Nẵng và TP. HCM mới chỉ đạt 3,3% và 4,3%. Sự khác biệt này có thể bắt nguồn từ sự khác biệt về số lượng nhân lực CTXH theo địa bàn (Hình 1).

Trong số các nhóm xã hội được can thiệp thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề thì người mắc bệnh hiểm nghèo có tỷ lệ cao nhất được hỗ trợ miễn giảm học phí học nghề (32,7%), nhưng người nghèo/cận nghèo là nhóm xã hội được hỗ trợ nhiều nhất cho việc thực hiện quyền vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi (40,0%) và quyền tham gia tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất (20,8%) (bảng 2). Điều này dễ dàng dẫn đến tình trạng khác biệt lớn về tiếp cận, thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề giữa các nhóm dân cư. Tuy nhiên, dưới góc độ của hoạt động CTXH thì thông tin từ bảng số liệu trên không phản ánh người mắc bệnh hiểm nghèo hay người nghèo/cận nghèo là những trường hợp được ưu tiên hơn so với các trường hợp khác. Nguyên tắc và các quy chuẩn đạo đức nghề CTXH không cho phép tạo ra tình trạng phân biệt đối xử. Điều này được minh chứng thêm qua trích đoạn phỏng vấn sâu sau đây “chúng tôi không phân biệt người này, người nọ. Ai có khó khăn cần chúng tôi giúp đỡ thì chúng tôi cũng đều giúp như nhau (NVCTXH Quảng Ninh)”. Do vậy, sự khác biệt về tỷ lệ nêu trên có thể bắt nguồn từ sự khác biệt về nhu cầu của người thụ hưởng, hoặc từ sự khác biệt về cơ cấu của các nhóm người này trong tổng dân số.

Bảng 6. Mức độ hài lòng của người dân về cách can thiệp thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp theo tỉnh/thành phố

Đơn vị: lượt ý kiến

	Hà Nội	Quảng Ninh	Hòa Bình	Đà Nẵng	TP. HCM	Bến Tre	Đắk Lắk	Tổng
Về cách hỗ trợ miễn/giảm học phí học nghề								
1	66,7	57,7	29,6	88,0	64,2	65,3	23,8	47,5
2	17,8	27,0	28,0	4,0	7,5	5,3	8,2	17,1
3	11,1	10,8	27,4	2,0	13,2	20,0	38,5	21,5
4	4,4	1,8	13,4	2,0	9,4	0,0	16,4	8,6
5	0,0	2,7	1,6	4,0	5,7	9,3	13,1	5,3
N	45	111	186	50	53	75	122	642
Về cách hỗ trợ vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi								
1	54,4	46,2	30,1	90,5	54,5	72,4	18,9	45,3
2	22,1	18,9	23,3	0,0	6,1	7,9	11,7	15,3
3	11,8	26,4	33,1	9,5	18,2	18,4	35,1	25,1
4	5,9	1,9	12,8	0,0	15,2	1,3	21,6	9,3
5	5,9	6,6	,8	0,0	6,1	0,0	12,6	4,9
N	68	106	133	42	33	76	111	569
Về cách tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất								
1	34,0	45,3	28,9	94,7	50,0	64,5	20,6	37,3
2	27,7	17,9	27,1	0,0	0,0	12,9	15,1	19,5
3	27,7	29,5	31,3	5,3	25,0	21,0	35,7	29,4
4	4,3	1,1	9,0	0,0	0,0	0,0	16,7	7,5
5	6,4	6,3	3,6	0,0	25,0	1,6	11,9	6,3
N	47	95	166	19	8	62	126	523

Nguồn: Kết quả khảo sát của 2100 người dân của đề tài, 2019

Bảng 5 cho thấy tỷ lệ đánh giá sự hài lòng ở mức độ cao nhất của người dân, nghĩa là ở điểm số 1, lên tới 45,7% với cách hỗ trợ miễn/giảm học phí học nghề, 45,3% với cách hỗ trợ vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi và 37,3% với cách tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất. Tỷ lệ bày tỏ không hài lòng ở mức cao nhất, nghĩa là ở điểm số 5, chỉ chiếm mức thấp, tương ứng với 5,3%, 4,9% và 6,3%. “*Cán bộ cấp xã, thôn, bản tuyên truyền các chính sách hỗ trợ cho người dân rất nhiệt tình. Tôi rất hài lòng. Khi mình khó khăn mà được giúp đỡ như vậy là quý hóa rồi* (Nữ, 33 tuổi, Đắk Lắk)”. Điều này cho thấy hoạt động CTXH chuyên nghiệp có giá trị hữu ích đối với người dân trong việc thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề, dù rằng, hoạt động này còn chưa thực sự phù hợp với mong đợi của xã hội. Tuy nhiên, căn cứ theo kết quả của từng địa bàn cho thấy tồn tại khoảng cách chênh lệch lớn về mức độ hài lòng của người dân đối với cách thức can thiệp thực hiện quyền ASXH thông qua hoạt động CTXH chuyên nghiệp. Trong khi tỷ lệ hài lòng ở mức độ cao nhất của người dân Đà Nẵng lên tới 88,0%, 90,5% và 94,7% thì tỷ lệ này chỉ chiếm 23,8%, 18,9% và 20,6% ở người dân Đắk Lắk. Mức độ chênh lệch đó lần lượt lên tới 3,7 lần, 4,8 lần và 4,6 lần. Điều này có nghĩa, trong khi nhiều hoạt động CTXH chuyên nghiệp được thực hiện một cách hiệu

quả, thì cũng còn nhiều hoạt động chưa phát huy được vai trò tích cực, thậm chí chúng có thể tạo ra phiền toái với người dân. Kết quả này đồng thời cũng phản ánh năng lực khác biệt giữa những người làm nghề CTXH. Đây là hệ quả của tình trạng tồn tại đồng thời và đan xen giữa NVCTXH chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và không chuyên.

KẾT LUẬN

Từ hệ thống ASXH được thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương số 15, người dân được đảm bảo thực hiện quyền hỗ trợ học nghề, như: được miễn/giảm học phí học nghề, được vay vốn học nghề với lãi suất ưu đãi, cũng như được tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất. Các biện pháp đưa chính sách đến cuộc sống đã phát huy vai trò tích cực. Tuy nhiên, công tác hỗ trợ người dân thực hiện các quyền này còn bất cập, hạn chế khiến một số người không được hưởng lợi quyền, từ đó xuất hiện nhu cầu được trợ giúp. Sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm NVCTXH đã đem cơ hội thực hiện quyền ASXH về hỗ trợ học nghề và việc làm đến với nhiều người dân, nhằm giúp họ cải thiện nghề nghiệp, đảm bảo nhu cầu cuộc sống, nâng cao trình độ chuyên môn và thu nhập. Quyền ASXH đối với học nghề luôn rất cần thiết và cần được thực hiện với nhiều người dân hơn giúp họ có cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, M.A. (2005). Khái luận chung về an sinh xã hội. *Tạp chí Bảo hiểm xã hội* số 1, 2 và 4.
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (2013). *Thông tư số 07/2013/TT-BLĐTBXH về quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ cộng tác viên CTXH xã, phường, thị trấn*.
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (2017). *Thông tư số 02/2017/BLĐTBXH về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp với người làm công tác xã hội*.
- Bộ Nội vụ. *Thông tư số 34/2010/BNV về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức công tác xã hội*.
- Cục Bảo trợ Xã hội. (2015). *Báo cáo kết quả thực hiện điều tra, rà soát nhu cầu đào tạo của cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội năm 2010 của toàn quốc*.
- Cục Bảo trợ xã hội. (2018). *Thống kê các cơ sở trợ giúp xã hội*. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Hải, N. T., và cộng sự. (2019). *Thị trường lao động với ASXH ở Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội.
- Linh, M., Hải, N. T., Hoa, N. T. K. (2021). Thực hiện quyền ASXH về chăm sóc sức khỏe của người dân thông qua hoạt động công tác xã hội. *Tạp chí Nghiên cứu Con người* số 5(116).
- Loan, N.H., Hoa, N. T. K. (Đồng chủ biên) (2015). *Giáo trình công tác xã hội đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Quốc hội. *Bộ luật Lao động*. Số: 35-L/CTN, 1994.
- Quốc hội. *Luật Việc làm*. Số: 38/2013/QH13, 2013.
- Quốc hội. *Luật Giáo dục*. Luật số: 43/2019/QH14.
- Thu, L. T. H. (2007). Nghiên cứu pháp luật an sinh xã hội một số nước trên thế giới. *Tạp chí Bảo hiểm Xã hội* số 9.